

Chi tiết mã HS 3904

Mã HS	3904
Mô tả hàng hóa	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh
Đơn vị	
Thời điểm tạo	31/10/2026 07:31:17
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/3904/

32 dòng thuế thuộc 3904

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3904.10.10	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Poly (vinyl clorua), chưa pha trộn với bất kỳ chất nào khác: / - - Các polyme đồng nhất, sản xuất theo công nghệ huyền phù	kg	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.10.91	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Poly (vinyl clorua), chưa pha trộn với bất kỳ chất nào khác: / - - Loại khác: / - - - Dạng hạt(SEN)	kg	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.10.92	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Poly (vinyl clorua), chưa pha trộn với bất kỳ chất nào khác: / - - Loại khác: / - - - Dạng bột	kg	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.10.99	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Poly (vinyl clorua), chưa pha trộn với bất kỳ chất nào khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác	kg	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.21.10	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Poly (vinyl clorua) khác: / - - Chưa hóa dẻo: / - - - Dạng hạt(SEN)	kg	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.21.20	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Poly (vinyl clorua) khác: / - - Chưa hóa dẻo: / - - - Dạng bột	kg	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.21.90	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Poly (vinyl clorua) khác: / - - Chưa hóa dẻo: / - - - Loại khác	kg	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.22.10	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Poly (vinyl clorua) khác: / - - Đã hóa dẻo: / - - - Dạng phân tán(SEN)	kg	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3904.22.20	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Poly (vinyl clorua) khác: / - - Đã hóa dẻo: / - - - Dạng hạt(SEN)	kg	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.22.30	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Poly (vinyl clorua) khác: / - - Đã hóa dẻo: / - - - Dạng bột	kg	9%	6%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.22.90	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Poly (vinyl clorua) khác: / - - Đã hóa dẻo: / - - - Loại khác	kg	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.30.10	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Các copolyme vinyl clorua-vinyl axetat: / - - Dạng hạt(SEN)	kg	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.30.20	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Các copolyme vinyl clorua-vinyl axetat: / - - Dạng bột	kg	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.30.90	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Các copolyme vinyl clorua-vinyl axetat: / - - Loại khác	kg	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.40.10	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Các copolyme vinyl clorua khác: / - - Dạng hạt(SEN)	kg	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.40.20	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Các copolyme vinyl clorua khác: / - - Dạng bột	kg	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.40.90	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Các copolyme vinyl clorua khác: / - - Loại khác	kg	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.50.40	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Các polyme vinyliden clorua: / - - Dạng phân tán(SEN)	kg	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.50.50	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Các polyme vinyliden clorua: / - - Dạng hạt(SEN)	kg	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.50.60	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Các polyme vinyliden clorua: / - - Dạng bột	kg	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.50.90	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Các polyme vinyliden clorua: / - - Loại khác	kg	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.61.10	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Các floro-polyme: / - - Polytetrafloroetylen: / - - - Dạng hạt(SEN)	kg	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.61.20	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Các floro-polyme: / - - Polytetrafloroetylen: / - - - Dạng bột	kg	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3904.61.90	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Các floro-polyme: / - - Polytetrafloroetylen: / - - - Loại khác	kg	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.69.30	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Các floro-polyme: / - - Loại khác: / - - - Dạng phân tán(SEN)	kg	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.69.40	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Các floro-polyme: / - - Loại khác: / - - - Dạng hạt(SEN)	kg	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.69.50	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Các floro-polyme: / - - Loại khác: / - - - Dạng bột	kg	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.69.90	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Các floro-polyme: / - - Loại khác: / - - - Loại khác	kg	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.90.30	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Loại khác: / - - Dạng phân tán(SEN)	kg	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.90.40	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Loại khác: / - - Dạng hạt(SEN)	kg	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.90.50	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Loại khác: / - - Dạng bột	kg	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
3904.90.90	Các polyme từ vinyl clorua hoặc từ các olefin đã halogen hóa khác, dạng nguyên sinh / - Loại khác: / - - Loại khác	kg	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.